

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 18.000 con heo thịt/lúa và 3.000
con heo nái do Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc làm chủ đầu tư đã
được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 06/CV-PL ngày 11 tháng 3 năm
2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
71/TTr-STNMT ngày 18 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc (sau
đây gọi là chủ dự án; địa chỉ: Tổ 3, ấp Mười Mầu, xã Phước Thiện, huyện Bù
Đốp, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự
án Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 18.000 con heo
thịt/lúa và 3.000 con heo nái tại ấp Mười Mầu, xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp,
tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình
Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành
viên trở lên 3801250952 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu
tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2021, đăng ký

thay đổi lần thứ 1 ngày 27 tháng 10 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3801250952.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích dự án: 217.535,70 m².

- Quy mô: 18.000 con heo thịt/lứa và 3.000 con heo nái.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện nội dung cấp phép đối với nước thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 26 tháng 3. năm 2024 đến ngày 26 tháng 3. năm 2031).

Điều 4. Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bù Đốp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc;
- Lưu: VT_(BH-06-GPMT-21/3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .16./GPMT-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (nước thải chăn nuôi khu trại heo nái (khu A) khoảng 99,46 m³/ngày.đêm; nước thải chăn nuôi khu trại heo thịt (khu B) khoảng 274,875 m³/ngày.đêm) sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất hệ thống xử nước thải khu A là 150 m³/ngày.đêm và khu B là 330 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Nước thải sau xử lý được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý khu A (thể tích khoảng 9.000 m³) và hồ chứa nước thải sau xử lý khu B (thể tích 8.550 m³), nước thải sau đó được chia thành 02 dòng tái sử dụng, không xả thải ra ngoài môi trường. Cụ thể như sau:

- Nước thải sau xử lý được dùng để tưới cây: Khoảng 64,31 m³/ngày.đêm đối với khu A và 166,875 m³/ngày.đêm đối với khu B đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong khuôn viên dự án (áp dụng cho các loại cây trồng trừ cây rau, cây dược liệu hàng năm).

- Nước thải sau xử lý dùng để tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động làm mát, rửa chuồng, ngâm đan: Khoảng 35,15 m³/ngày.đêm đối với khu A và 108 m³/ngày.đêm đối với khu B. Lượng nước này được chủ dự án bơm lên các bể chứa nước tại các khu chuồng để tái sử dụng cho hoạt động làm mát, vệ sinh chuồng nuôi, ngâm rửa đan. Chủ dự án cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho làm mát, ngâm rửa đan và vệ sinh chuồng nuôi của trang trại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a. Đối với khu nuôi heo nái (khu A):

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hầm biogas khu A bằng đường ống uPVC Ø90 mm, dài 120 m, nước thải sau hầm biogas được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung khu A của dự án. Chủ dự án xây dựng tổng cộng 04 bể tự hoại 03 ngăn.

- Nước rửa tay chân, tắm giặt được dẫn về hồ sinh học khu A bằng đường

ống nhựa uPVC Ø90 mm, dài 120 m.

- Nước thải chăn nuôi của khu A thu gom bằng đường ống uPVC Ø220 mm về các hố ga được bố trí ở cuối các chuồng nuôi, các hố ga được nối với nhau bằng BTCT Ø400, chiều dài khoảng 680 m sau đó được dẫn về hầm biogas khu A. Nước thải sau hầm biogas được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu A của dự án.

- Nước thải từ máy ép phân khu A được thu gom về hầm biogas của khu A bằng đường ống Ø90 mm dài khoảng 15 m.

- Nước thải từ quá trình sát trùng xe và công nhân khu A được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý khu A bằng đường ống uPVC Ø60 mm dài 100 m.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của khu A là 99,46 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 150 m³/ngày.đêm để xử lý.

b. Đối với khu nuôi heo thịt (khu B):

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được dẫn về hầm biogas khu B bằng đường ống uPVC Ø90 mm, dài 110 m, nước thải sau hầm biogas được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án. Chủ dự án xây dựng tổng cộng 04 bể tự hoại 03 ngăn.

- Nước rửa tay chân, tắm giặt được dẫn về hồ sinh học khu B bằng đường ống nhựa uPVC Ø90 mm, dài 90 m.

- Nước thải chăn nuôi của khu B thu gom bằng mương bê tông có bề rộng 0,6 m, sâu 0,4 m, dài 712 m, được bố trí ở cuối dãy chuồng nuôi sau đó dẫn về hầm biogas khu B. Nước thải sau hầm biogas được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung khu B của dự án.

- Nước thải từ máy ép phân khu B được thu gom về hầm biogas của khu B bằng đường ống Ø90 mm dài khoảng 25 m.

- Nước thải từ quá trình sát trùng xe và công nhân khu B được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý khu B bằng đường ống uPVC Ø60 mm dài 90 m.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của khu B là 274,875 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 330 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ khu A:

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Hầm biogas khu A → Hồ sinh học khu A (1).

+ Nước rửa tay chân, tắm giặt → Hồ sinh học khu A (2).

+ Nước thải chăn nuôi khu A → Hồ CT khu A → Máy ép phân khu A → Hầm biogas khu A → Hồ sinh học khu A (3).

+ Nước thải từ máy ép phân khu A → Hàm biogas khu A → Hồ sinh học khu A (3).

(1)+ (2) + (3) → Bể kỵ khí → Bể IFAS → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học 1, 2 → Bể oxy hoá → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ khu B:

+ Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Hàm biogas khu B → Hồ sinh học khu B (1).

+ Nước rửa tay chân, tắm giặt → Hồ sinh học khu B (2).

+ Nước thải chăn nuôi khu B → Hồ CT khu B → Máy ép phân khu B → Hàm biogas khu B → Hồ sinh học khu B (3).

+ Nước thải từ máy ép phân khu B → Hàm biogas khu B → Hồ sinh học khu B (3).

(1)+ (2) + (3) → Bể kỵ khí → Bể IFAS → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể oxy hoá → Cụm bể điều chỉnh pH, keo tụ, tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; sau đó được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích làm mát, rửa chuồng, ngâm rửa đàn. Trong đó: Nước thải sau xử lý dùng để làm mát, rửa chuồng, ngâm rửa đàn: khu A khoảng 35,15 m³/ngày.đêm; khu B khoảng 108 m³/ngày (nước thải từ hồ chứa nước thải sau xử lý được bơm lên các bể chứa nước tại các khu chuồng để làm mát, vệ sinh chuồng nuôi, ngâm đàn); nước thải sau xử lý để tưới cây: khu A khoảng 64,31 m³/ngày.đêm, khu B khoảng 166,875 m³/ngày.đêm (nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý của khu A dung tích khoảng 9.000 m³, hồ chứa nước thải sau xử lý khu B khoảng 8.550 m³). Chủ dự án không được phép xả thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động kể cả trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng làm mát, ngâm rửa đàn, vệ sinh chuồng trại của trang trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: khu A: 150 m³/ngày.đêm; khu B: 330 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: PAC, polymer, chlorine, hoá chất điều chỉnh pH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hầm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom, dùng vào mục đích sinh hoạt và phần còn dư được đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại hồ chứa nước thải sau xử lý (kích thước hồ chứa nước thải sau xử lý khu A: dài x rộng x sâu = 60 m x 30 m x 5 m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE, thể tích khoảng 9.000 m³; hồ chứa nước thải sau xử lý khu B: dài x rộng x sâu = 45 m x 38 m x 5 m, kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE, tổng thể tích khoảng 8.550 m³) sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm ngược về hầm biogas để tiếp tục xử lý.

1.5. Vị trí, phương thức và chế độ tưới cây:

- Vị trí tưới cây: Khu đất thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Phú Lộc đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sêri DE856408, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT39799 ngày 29 tháng 3 năm 2022.

- Diện tích tưới cây: 102.655,07 m².

- Lưu lượng tưới lớn nhất: Khoảng 231,19 m³/ngày.đêm.

- Phương thức tưới: Nước từ hồ chứa nước thải sau xử lý được chủ dự án dùng máy bơm để bơm nước theo hệ thống ống dẫn tới vị trí cần tưới trong khuôn viên dự án và tưới vào các khu vực cần tưới (tưới gốc cho cây trồng) trong khuôn viên dự án. Chủ dự án tiến hành tưới thủ công, tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây trồng theo quy định.

- Chế độ tưới: Nước thải được tưới gián đoạn với định mức tưới cây xanh cách ly tần suất tưới 6 lít/m²/lần, cây xanh khác (cây keo lá tràm) trong dự án 10 lít/m²/lần, tần suất tưới 3 lần/tuần vào mùa nắng, 02 lần/tuần vào mùa mưa.

- Chất lượng nước thải trước khi tưới tiêu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trong phạm vi dự án theo quy định pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải khu A, công suất thiết kế 150 m³/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải khu B, công suất thiết kế 330 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu A công suất 150 m³/ngày.đêm và khu B công suất 330 m³/ngày.đêm.

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải khu A công suất 150 m³/ngày.đêm và khu B công suất 330 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT trước khi tưới cây. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT và phải dừng ngay việc tưới cây để thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục quá trình xử lý, bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong suốt quá trình hoạt động, kể cả trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Đối với việc sử dụng nước thải sau xử lý cho hoạt động làm mát, rửa chuồng trại, ngâm đan, chủ dự án phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tái sử dụng cho làm mát, rửa chuồng, ngâm đan của trang trại.

3.2. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi tái sử dụng nước thải sau xử lý cho mục đích tưới cây trồng.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành chính thức hệ thống xử lý nước thải và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.5. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu

gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và kiểm soát nước thải; đảm bảo không xả trực tiếp ra môi trường.

3.7. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường.

3.8. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16./GPMT-UBND
ngày 26 tháng 3. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng khu A.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng khu B.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải khu A.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải khu B.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 573036; Y = 1331035.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 572755; Y = 1330887.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 572757; Y = 1331231.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 572817; Y = 1331059

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^o15', múi chiều 3^o).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16./GPMT-UBND
ngày 26 tháng 3. năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	48
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	240
3	Bao bì mềm thải (bao bì thuốc thú y, chế phẩm, tiêu độc, khử trùng thải)	18 01 01	Rắn	816
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải)	18 01 03	Rắn	840
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	600
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	Rắn	480
7	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	Rắn	912
8	Pin, ắc quy chì thải	19 01 06	Rắn/lỏng	12
9	Hộp mực in có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	12
Tổng số lượng				3.960

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Phân heo (sau khi ép)	14.056,28 kg/ngày
2	Xác heo chết không do dịch bệnh (heo chết ngộp, còi cọc) và nhau thai	114 kg/ngày
3	Xác heo chết do các bệnh thông thường	9,33 kg/ngày
4	Bao đựng cám	1,86 kg/ngày
5	Bùn thải	1.859 kg/ngày
6	Tấm làm mát thải bỏ	4,5 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	72
Tổng khối lượng		72

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích nhà chứa khu A: 15 m².

- Diện tích nhà chứa khu B: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích nhà chứa khu A: 20 m².

+ Diện tích nhà chứa khu B: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, tường xây gạch tô 2 mặt, có mái che, nền bê tông chống thấm.

- Đối với phân heo:

+ Diện tích nhà chứa phân khu A: 105 m².

+ Diện tích nhà chứa phân khu B: 105 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nhà 1 tầng, tường xây gạch tô 2 mặt, có mái che, nền bê tông chống thấm.

- Đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về 02 sân phơi bùn của khu A và khu B (thể tích mỗi sân phơi bùn là 40 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa.

2.3.2. Kho lưu chứa: Lưu chứa trong kho chất thải rắn công nghiệp thông

thường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

Công trình tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: Hiện tại Chủ dự án đang sử dụng phương án xử lý xác heo chết không do dịch bệnh như sau:

- Loại chất thải tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh, nhau thai và xác heo chết do các bệnh thông thường.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 123,33 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh → Thu gom → Hầm hủy xác.

Chủ dự án xây dựng 02 hầm hủy xác với kích thước: Dài x Rộng x Sâu = 12 m x 06 m x 04 m. Hầm hủy xác có kết cấu đáy, tường và nắp dẹt bằng bê tông cốt thép, quét vôi, đáy chống thấm. Bề mặt hầm hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ dự án báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.

2. Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn đầu ra, lượng nước này được đưa vào lại hầm biogas và xử lý lại. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, chủ dự án phải báo ngay với cơ quan có chức năng để kịp thời xử lý và dừng các công đoạn phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, nước thải được bơm từ các hồ lưu chứa lên hầm biogas

để tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý của hệ thống.

3. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 111./GPMT-UBND
ngày 26 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải, mùi phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Đối với mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hồ biogas và hầm ủ xác:

- Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại, tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; không chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM cho các chuồng nuôi và phun lên mình heo với tần suất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh, phun 02 lần/ngày khi có dịch bệnh; bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi.

- Khu vực thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống mương kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải; phun chế phẩm EM với tần suất 02 lần/ngày vào những vị trí phát sinh mùi hôi.

- Khu vực nhà chứa phân: Phân heo được thu gom hàng ngày sau đó được khử trùng bằng vôi bột rồi đóng bao với trọng lượng 50 kg/bao, phun chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột với tần suất 01 lần/ngày.

- Khu vực hầm ủ xác heo: Rắc vôi bên trong và bên trên bề mặt khu vực hố ủ xác với khối lượng 0,8 kg/m² hoặc phun chlorine với nồng độ 02% với lượng 0,2 - 0,25 lít/m² khi xử lý nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh để hạn chế mùi hôi phát sinh và nguy cơ dịch bệnh nếu có, trồng cây xanh quanh khu vực hố ủ xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- Chủ dự án bố trí trồng cây xanh phía sau các quạt hút và khu vực dự án đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm thiểu mùi hôi phát tán xung quanh.

- Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án sử dụng thêm chế phẩm EM để phun vào những vị trí phát sinh mùi; đối với hồ biogas: phủ và lót bạt đáy bằng vật liệu HDPE để không phát tán mùi hôi ra ngoài.

- Đối với khí từ hầm biogas:

+ Toàn bộ lượng khí biogas hình thành được lưu chứa trong hầm biogas kín, vật liệu HDPE.

+ Khí biogas được đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định bằng các thiết bị chuyên dụng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.

+ Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khí dư kín chuyên dụng giúp hạn chế tiếng ồn và ngọn lửa.

+ Đường ống dẫn khí biogas sử dụng vật liệu chống ăn mòn (uPVC/HDPE) đảm bảo hạn chế hư hỏng đường ống phát tán khí biogas ra môi trường. Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí. Kiểm tra nước đọng trong ống dẫn khí, kiểm tra ống dẫn khí không bị cong, gập.

- Áp dụng các biện pháp quản lý, các biện pháp kỹ thuật kiểm soát triệt để, không phát tán khí thải, mùi hôi, đảm bảo chất lượng môi trường không khí bên ngoài chuồng nuôi và xung quanh dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

8. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, chủ dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

9. Trong quá trình hoạt động, chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.